

CSS Căn bản

Khoá học "Building Website With HTML & CSS"

Mục tiêu

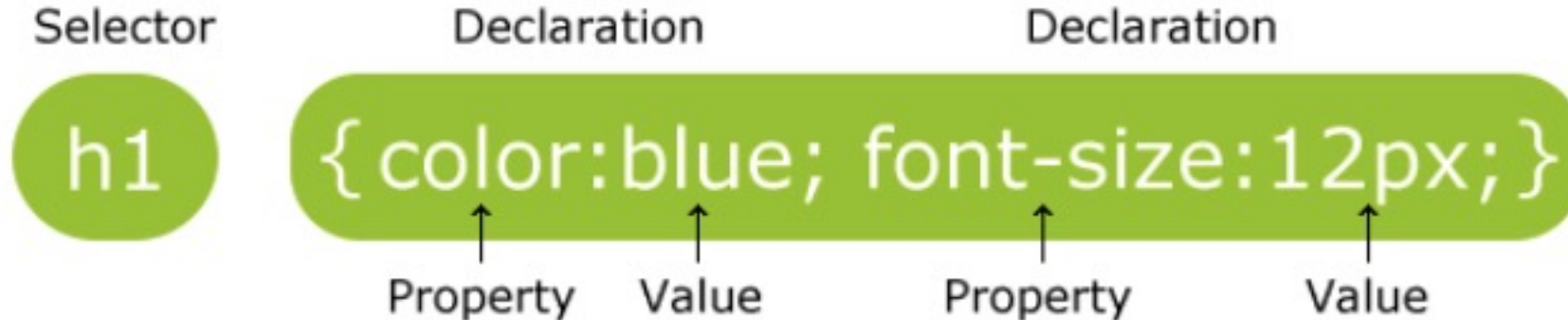
- Hiểu được vai trò của CSS với trang web
- Hiểu được cú pháp của CSS, chú thích trong CSS
- Sử dụng được các cách chèn CSS vào trong HTML
- Sử dụng thành thạo các loại selector trong CSS
- Dùng CSS để thay đổi kiểu chữ, cỡ chữ, font chữ, màu sắc của văn bản, màu nền
- Dùng được màu sắc bằng tên gọi
- Hiểu rõ về các thành phần của Box Model
- Sử dụng được các thuộc tính CSS dành cho border, height, width, margin, padding, corner-radius

CSS – Cascading Style Sheet

- CSS là viết tắt của cụm từ **Cascading Style Sheets**
- CSS mô tả cách các phần tử HTML sẽ hiển thị trên màn hình, trang web, hoặc các phương tiện khác.
- CSS giúp chúng ta tiết kiệm được rất nhiều công sức. Nó giúp chúng ta chỉnh sửa giao diện của nhiều trang web cùng một lúc.
- Các mô tả css có thể được lưu trong tệp tin CSS.

CSS – Cú pháp

Một Bộ Quy tắc (rule) CSS bao gồm một bộ chọn (selector) và một khối khai báo các thuộc tính:



CSS – Ví dụ

```
#sidebar {  
    background-color: #32a4e7;  
    color: #ffffff;  
    padding: 10px;  
    width: 180px;  
    bottom: 0;  
    top: 0;  
    right: 0;  
    position: absolute;  
}
```

Nhúng CSS vào tài liệu HTML

Có 3 cách để nhúng mã CSS vào trong một tài liệu HTML, bao gồm:

- Khai báo trực tiếp ở thẻ HTML (Inline style sheet)
- Khai báo trong thẻ `<style>` của tài liệu HTML (Internal style sheet)
- Khai báo trong file `.css` riêng biệt (External style sheet)

CSS Selector

- Các bộ chọn CSS (selector) cho phép chúng ta chọn và thao tác với các phần tử HTML mà mình mong muốn.
- Bộ chọn được sử dụng để "tìm" (hoặc chọn) phần tử HTML dựa trên id, class, loại thẻ, các thuộc tính, và nhiều thứ khác của phần tử HTML.

Element Selector

- Bộ chọn Phần tử (element selector) dựa vào **tên** của các phần tử (thẻ) HTML.

Ví dụ Element Selector

- Chúng ta có thể chọn tất cả các phần tử `<p>` trên một trang như sau (tất cả các văn bản nằm trong thẻ `<p>` sẽ được căn giữa và có màu đỏ):

```
p {  
    text-align: center;  
    color: red;  
}
```

ID Selector

- Bộ chọn id sử dụng thuộc tính **id** của một phần tử HTML để chỉ định cụ thể một phần tử HTML nào đó.
- Một **id** nên là duy nhất trong một trang, do đó bộ chọn **id** được sử dụng khi muốn áp dụng kiểu cho một phần tử duy nhất nào đó trên trang.
- Để chọn một phần tử với một id cụ thể, chỉ cần viết kí hiệu # trước id (giá trị của thuộc tính id) của phần tử đó.

Ví dụ ID Selector

Quy tắc kiểu dưới đây sẽ được áp dụng cho các phần tử HTML với **id = "para1"**:

```
#para1 {  
    text-align: center;  
    color: red;  
}
```

Class Selector

- Bộ chọn class (class selector) chọn các phần tử có thuộc tính class với một giá trị cụ thể.
- Để chọn các phần tử với một class cụ thể, chỉ cần viết thêm dấu chấm (.) trước tên của class

Ví dụ Class Selector

Trong ví dụ dưới đây, tất cả các phần tử HTML với class="center" sẽ có văn bản được căn giữa và màu đỏ.

```
.center {  
    text-align: center;  
    color: red;  
}
```

Kết hợp các Selector

- Chúng ta cũng có thể kết hợp giữa các bộ chọn khác nhau để tạo nên một bộ chọn mới. Chẳng hạn là kết hợp giữa bộ chọn phần tử với bộ chọn class.
- Trong ví dụ dưới đây, chỉ những phần tử `<p>` với `class="center"` có văn bản được căn giữa và màu đỏ:

```
p.center {  
  text-align: center;  
  color: red;  
}
```

Gộp các Selector

- Chúng ta có thể gộp chúng lại với nhau để giảm bớt mã nguồn và dễ điều chỉnh hơn.
- Cách làm ở đây là phân tách các bộ chọn bởi dấu phẩy (,).

```
h1, h2, p {  
    text-align: center;  
    color: red;  
}
```

Các thuộc tính định dạng văn bản

- `color`
- `text-align`
- `text-decoration`
- `text-transformation`
- `font-family`
- `font-style`
- `font-size`
- `font-weight`

Thuộc tính định màu nền

Thuộc tính background-color chỉ định màu nền của một phần tử.

Ví dụ:

```
body{  
    background-color: #b0c4de;  
}
```

```
h1 {  
    background-color: green;  
}  
  
div {  
    background-color: lightblue;  
}  
  
p {  
    background-color: yellow;  
}
```

Thuộc tính định hình nền

- Thuộc tính background-image chỉ định một hình ảnh dùng để làm nền cho một phần tử.
- Mặc định, hình ảnh nền sẽ lặp đi lặp lại để nó trải ra toàn bộ phần tử.

Ví dụ:

```
body {  
    background-image: url("http://agilearn.vn/draftfile.php/5/user/draft/276765424/paper.gif");  
}
```







Sử dụng màu sắc

Có 3 cách thường được dùng để quy định màu sắc trong trang web:

- Sử dụng tên của màu. Chẳng hạn là "red" (đỏ) hoặc "green" (xanh lá cây)
- Sử dụng giá trị RGB (Red Green Blue). Chẳng hạn là "rgb(255, 0, 0)".
- Sử dụng giá trị HEX. Chẳng hạn là "#ff0000".

Màu sắc

- Tên màu
- Mã HEX
- RGB

Color	Name	RGB	HEX
	Red	rgb(255,0,0)	#FF0000
	Green	rgb(0,255,0)	#00FF00
	Blue	rgb(0,0,255)	#0000FF
	Orange	rgb(255,165,0)	#FFA500
	Yellow	rgb(255,255,0)	#FFFF00
	Cyan	rgb(0,255,255)	#00FFFF

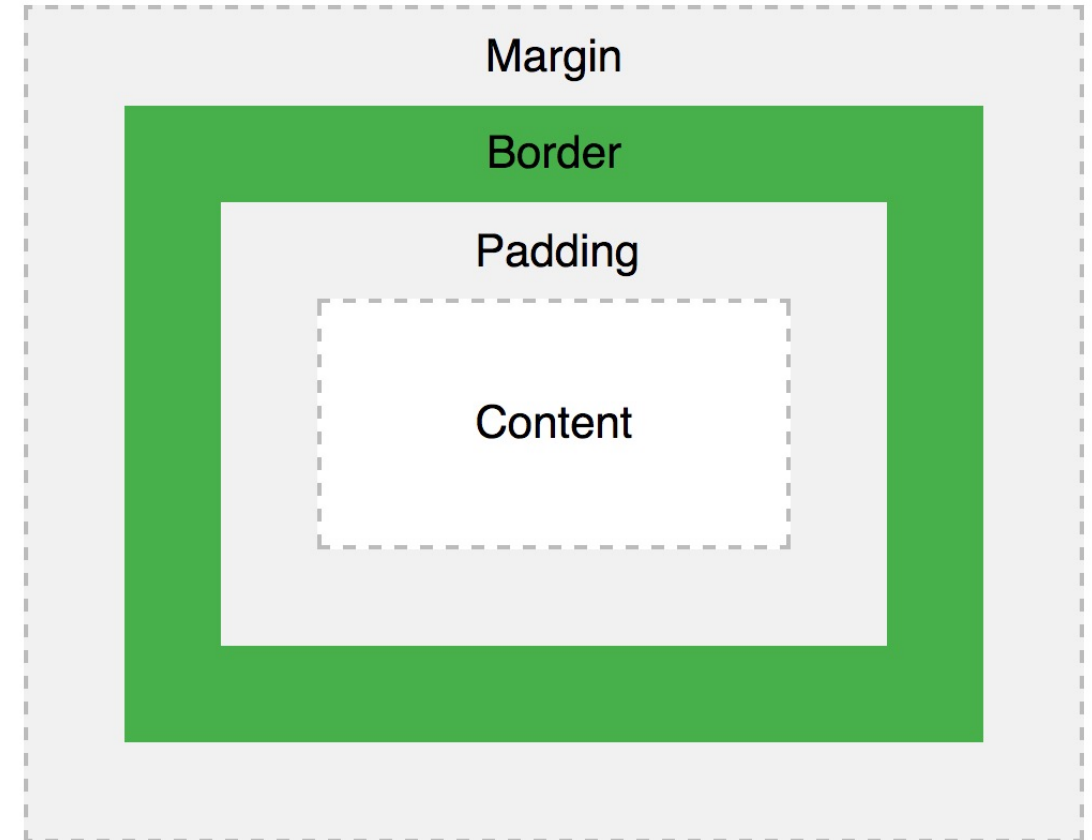
Ví dụ sử dụng màu sắc

Thiết lập màu văn bản cho các phần tử khác nhau:

```
body {  
    color: red;  
}  
  
h1 {  
    color: #00ff00;  
}  
  
p.ex {  
    color: rgb(0,0,255);  
}
```

Box Model

- Box Model là hình thức biểu diễn tất cả các thành phần trong trang web dưới dạng các hộp (box)
- Việc hiểu và sử dụng Box Model là rất quan trọng trong thiết kế web
- Các thành phần của một box:
 - Lề (margin)
 - Đường viền (border)
 - Vùng đệm (padding)
 - Nội dung (content)



Đường viền (border)

```
div {  
  width: 300px;  
  border: 25px solid green;  
  padding: 25px;  
  margin: 25px;  
}
```



Độ rộng, độ cao

```
div {  
  width: 320px;  
  padding: 10px;  
  border: 5px solid gray;  
  margin: 0;  
}
```



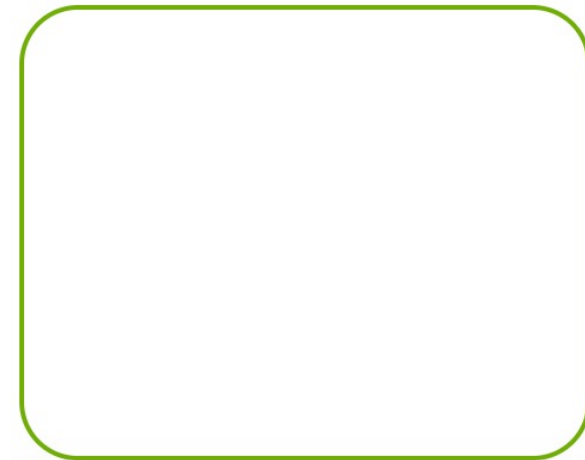
320px (width)
+ 20px (left + right padding)
+ 10px (left + right border)
+ 0px (left + right margin)
= 350px

Góc tròn (rounded corner)

```
#rcorners1 {  
    border-radius: 25px;  
    background: #73AD21;  
    padding: 20px;  
    width: 200px;  
    height: 150px;  
}
```



```
#rcorners2 {  
    border-radius: 25px;  
    border: 2px solid #73AD21;  
    padding: 20px;  
    width: 200px;  
    height: 150px;  
}
```



Các đơn vị đo trong CSS

- Đơn vị đo tương đối
- Đơn vị đo tuyệt đối
- Các đơn vị đo thông dụng:
 - em
 - %
 - px
 - pt

CODEGYM

Raising the bar

HỆ THỐNG ĐÀO TẠO LẬP TRÌNH HIỆN ĐẠI